

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu¹ không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

¹ Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự; năng lực kỹ thuật: số lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ chủ chốt, số lượng thiết bị chủ yếu có khả năng huy động để thực hiện gói thầu (nếu có yêu cầu); doanh thu bình quân hàng năm; việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá về năng lực tài chính của nhà thầu.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)
BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

TT	Mô tả	Yêu cầu	Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm				Tài liệu cần nộp
			Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Nhà thầu liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07	
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽³⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu	
3	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là: 4.388.330.171 VND.		Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08	
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành ⁽⁷⁾ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: Bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên/Sửa chữa lớn Hệ thống Tuabin, Hệ thống máy phát, Máy biến áp chính và thiết bị nguồn điện, Hệ thống thiết bị đập tràn và Hệ thống cửa nhận nước nhà máy điện. - Có quy mô (giá trị) tối thiểu theo hạng mục chính: + Hệ thống Tuabin: 199.969.169 VND. + Hệ thống Máy phát: 190.755.753 VND. + Máy biến áp chính và thiết bị nguồn điện: 209.608.425 VND + Hệ thống thiết bị đập tràn: 309.733.966 VND + Hệ thống cửa nhận nước: 191.131.607 VND	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05	

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm

đóng thầu.

(2) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng

minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(4) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Trường hợp sau khi đánh giá mà nhà thầu không đáp ứng về đối tượng được hưởng ưu đãi thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về doanh thu.

(5) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1; Y-2...).
Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1 đến 1,5.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,0.

Đối với gói thầu bảo hiểm thì có thể đưa ra yêu cầu về doanh thu bình quân hàng năm cao hơn so với cách tính theo công thức nêu trên nhưng phải bảo đảm không được làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu.

(7) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(8) Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10) Chủ đầu tư, tổ chuyên gia căn cứ vào nội dung, phạm vi công việc của gói thầu đang xét để đưa ra yêu cầu về tính chất của hợp đồng tương tự. Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục thì có thể chỉ quy định về tính chất tương tự cho các hạng mục chính của gói thầu.

(11) Quy mô của Hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục công việc để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều hạng mục công việc khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu (phải nêu rõ các hạng mục chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các hạng mục của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục chính hoặc mỗi hạng mục công việc.

Quy mô của hợp đồng tương tự thông thường khoảng 30% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 30% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống trong khoảng 20% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 20% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu). Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu (hoặc giá trị tương ứng của từng hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); hoặc

(ii) Có các hạng mục công việc tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) và bảo đảm tổng giá trị của từng hạng mục công việc tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của từng hạng mục công việc tương ứng trong gói thầu đang xét (hoặc giá trị của từng hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu) và tổng giá trị các hạng mục đã thực hiện phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu). Được cộng gộp giá trị của hạng mục tương tự trong các hợp đồng khác nhau để xác định tổng giá trị hạng mục tương tự đáp ứng yêu cầu mà không yêu cầu giá trị của hạng mục tương tự trong mỗi hợp đồng phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị hạng mục của gói thầu đang xét (hoặc giá trị của hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu).

Trong đó:

+ Hạng mục công việc đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng công việc trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục công việc đã thực hiện để xác định hạng mục công việc tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ công việc đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

Đối với gói thầu phi tư vấn có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài thì giá trị hợp đồng tương tự được xác định khoảng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của phần công việc tính theo 01 chu kỳ (01 năm) mà không tính theo tổng giá trị gói thầu qua các năm. Trong trường hợp này, việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự cũng được xét theo 01 chu kỳ (01 năm) tương ứng.

Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu thuê dịch vụ dọn vệ sinh tòa nhà trong 04 năm với giá trị 8.800.000.000 đồng thì E-HSMT có thể yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) là 660.000.000 đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có hợp đồng dọn vệ sinh tòa nhà trong 48 tháng với Chủ đầu tư A (đang trong quá trình thực hiện, chưa hoàn thành, chưa được thanh lý), nhưng tính đến thời điểm tham dự thầu, nhà thầu X đã thực hiện được 16 tháng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 660.000.000 đồng;
- Nhà thầu X có hợp đồng hoàn thành N1 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 06 tháng với giá trị là 300.000.000 đồng; hợp đồng N2 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 24 tháng với giá trị là 800.000.000 đồng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 400.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục dọn vệ sinh tòa nhà của nhà thầu X là 700.000.000 đồng.

Ví dụ 2: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ giặt là, giá gói thầu là 10 tỷ đồng, thời gian thực hiện là 06 tháng yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 03 tỷ đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 02 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 01 tỷ đồng thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này.

Ví dụ 3: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ gồm 02 hạng mục công việc khác nhau (N1, N2) với giá gói thầu là 07 tỷ đồng (trong đó, hạng mục N1 giá trị 04 tỷ đồng; hạng mục N2 giá trị 03 tỷ đồng), thời gian thực hiện 60 ngày, yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 2,1 tỷ đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có 1 hợp đồng đã hoàn thành có đầy đủ 02 hạng mục N1, N2 và tổng giá trị 02 hạng mục N1, N2 là 2,5 tỷ đồng.
- Nhà thầu X có các hợp đồng sau:
 - + Hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,8 tỷ đồng, tổng giá trị hạng mục công việc N1 đã được nghiệm thu là 1,3 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N1 (30% x 04 tỷ đồng).
 - + Hợp đồng C (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,6 tỷ đồng; hợp đồng D (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục công việc N2 là 1,1 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N2 (30% x 03 tỷ đồng).

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Không yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn không đòi hỏi nhân sự có chuyên môn cao, trừ trường hợp cần lao động có trình độ cao, lao động lành nghề thực hiện công việc đặc thù. Trường hợp dịch vụ phi tư vấn có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có trình độ cao, lao động lành nghề, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì có thể đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này. Ngoài ra, không yêu cầu nhân sự chủ chốt là lao động phổ thông.

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSMT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)⁽¹⁾

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1	Người phụ trách quản lý chung	1	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	Có trình độ Đại học trở lên thuộc chuyên ngành điện hoặc Cơ khí. - Có chứng chỉ Chỉ huy trưởng công trình còn hiệu lực. - Có chứng chỉ an toàn điện hoặc thẻ an toàn điện và bậc an toàn 5/5. - Có chứng nhận huấn luyện ATLĐ, VSLĐ nhóm 1 còn hiệu lực. - Đã từng đảm nhiệm chức vụ người phụ trách

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				<p>quản lý chung tại ít nhất 01 công trình có tính chất tương tự với gói thầu đang xét (<i>Nhà thầu đính kèm bản sao có chứng thực hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc có xác nhận của Chủ đầu tư thể hiện rõ tên và vị trí đảm nhận của nhân sự</i>).</p> <p><i>Nhà thầu phải đính kèm E-HSĐT bản sao có chứng thực các bằng cấp chứng chỉ liên quan để chứng minh kinh nghiệm của nhân sự theo mẫu 06A, 06B và 06C của Chương 4 E-HSMT.</i></p>
2	Cán bộ Giám sát kỹ thuật tại hiện trường	3	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	<p>Có trình độ Đại học trở lên (01 người thuộc chuyên ngành điện, 01 người thuộc chuyên ngành cơ khí, 01 người chuyên ngành điều khiển, tự động hóa, năng lượng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ hành nghề giám sát công tác lắp đặt thiết bị tối thiểu công trình Hạng 2 còn hiệu lực và có chuyên môn phù hợp với gói thầu. - Có chứng chỉ an toàn điện hoặc thẻ an toàn điện và bậc an toàn 3/5 trở lên. - Có chứng nhận huấn luyện ATLD, VSLĐ nhóm 3 trở lên còn hiệu lực. - Đã từng đảm nhiệm chức vụ cán bộ giám sát kỹ thuật tại ít nhất 01 công trình có tính chất tương tự với gói thầu đang xét (<i>Nhà thầu đính kèm bản sao có chứng thực hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc có xác nhận của Chủ đầu tư thể hiện rõ tên và vị trí đảm nhận của nhân sự</i>). <p><i>Nhà thầu phải đính kèm E-HSĐT bản sao có chứng thực các bằng cấp chứng chỉ liên quan để chứng minh kinh nghiệm của nhân sự theo mẫu 06A, 06B và 06C của Chương 4 E-HSMT.</i></p>
3	Đội trưởng thi công phân cơ khí	1	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	<p>Có trình độ Đại học trở lên chuyên ngành cơ khí. Có chứng chỉ an toàn điện hoặc thẻ an toàn điện và bậc an toàn 3/5 trở lên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng nhận huấn luyện ATLD, VSLĐ nhóm 3 trở lên còn hiệu lực. - Đã từng đảm nhiệm chức vụ Đội trưởng thi công tại ít nhất 01 công trình có tính chất tương tự với gói thầu đang xét (<i>Nhà thầu đính kèm bản sao có chứng thực hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc có xác nhận của Chủ đầu tư thể hiện rõ tên và vị trí đảm nhận của nhân sự</i>). <p>- Nhà thầu phải đính kèm E-HSĐT bản sao có chứng thực các bằng cấp chứng chỉ liên quan</p>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				<i>để chứng minh kinh nghiệm của nhân sự theo mẫu 06A, 06B và 06C của Chương 4 E-HSMT.</i>
4	Đội trưởng thi công phần điện	1	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	<p>Có trình độ Đại học trở lên chuyên ngành điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ an toàn điện hoặc thẻ an toàn điện và bậc an toàn 5/5. - Có chứng nhận huấn luyện ATLĐ, VSLĐ nhóm 3 trở lên còn hiệu lực. - Đã từng đảm nhiệm chức vụ Đội trưởng thi công tại ít nhất 01 công trình có tính chất tương tự với gói thầu đang xét (<i>Nhà thầu đính kèm bản sao có chứng thực hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc có xác nhận của Chủ đầu tư thể hiện rõ tên và vị trí đảm nhận của nhân sự.</i>) <p><i>Nhà thầu phải đính kèm E-HSMT bản sao có chứng thực các bằng cấp chứng chỉ liên quan để chứng minh kinh nghiệm của nhân sự theo mẫu 06A, 06B và 06C của Chương 4 E-HSMT.</i></p>
5	Đội trưởng thi công phần thí nghiệm	1	Tối thiểu 5 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ Đại học trở lên chuyên ngành tự động hóa, điều khiển, năng lượng. - Có chứng chỉ an toàn điện hoặc thẻ an toàn điện và bậc an toàn 3/5. - Có chứng nhận huấn luyện ATLĐ, VSLĐ nhóm 3 trở lên còn hiệu lực. - Đã từng đảm nhiệm chức vụ Đội trưởng thi công tại ít nhất 01 công trình có tính chất tương tự với gói thầu đang xét (<i>Nhà thầu đính kèm bản sao có chứng thực hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc có xác nhận của Chủ đầu tư thể hiện rõ tên và vị trí đảm nhận của nhân sự.</i>) <p><i>Nhà thầu phải đính kèm E-HSMT bản sao có chứng thực các bằng cấp chứng chỉ liên quan để chứng minh kinh nghiệm của nhân sự theo mẫu 06A, 06B và 06C của Chương 4 E-HSMT.</i></p>

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng

với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSMT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu (Webform trên Hệ thống)

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các thiết bị sau:

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy lọc sậy dầu (máy lọc dầu ly tâm) <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định. Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực.</i>	1 cái
2	Mê gồm mét 2500V, 5000V hoặc tương đương <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị, giấy chứng nhận kiểm định hoặc hiệu chuẩn thiết bị còn hiệu lực. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định, giấy chứng nhận kiểm định hoặc hiệu chuẩn thiết bị còn hiệu lực. Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực.</i>	1 cái
3	Hộp bộ phân tích máy cắt <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định. Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực</i>	1 cái
4	Kích thủy lực 60 tấn <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định. Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực</i>	1 cái
5	Téc chứa dầu 30m ³ <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định. Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực</i>	1 cái
6	Máy chụp sóng <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định. Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực</i>	1 cái

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
7	<p>Máy đo điện trở một chiều <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định.</i> <i>Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực</i></p>	1 cái
8	<p>Xe thang nâng người dạng khớp gập, chiều cao nâng 12 mét, tải trọng nâng ≤ 300 kg <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định.</i> <i>Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực</i></p>	1 cái
9	<p>Hợp bộ thí nghiệm đo lường <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định.</i> <i>Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực</i></p>	1 cái
10	<p>Cần trục bánh xích 10 tấn <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị, giấy chứng nhận kiểm định thiết bị còn hiệu lực. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, có giấy chứng nhận kiểm định thiết bị còn hiệu lực.</i> <i>Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực</i></p>	1 cái
11	<p>Thiết bị tạo dòng <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định.</i> <i>Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực</i></p>	1 cái
12	<p>Máy đo điện trở tiếp xúc <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định.</i> <i>Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực</i></p>	1 cái
13	<p>Hợp bộ thử role gas, dòng dầu <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định.</i> <i>Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực</i></p>	1 cái
14	<p>Hợp bộ đo và phân tích phóng điện <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định.</i> <i>Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực</i></p>	1 cái
15	<p>Hợp bộ đo điện cảm, điện dung <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định.</i> <i>Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực</i></p>	1 cái
16	<p>Hợp bộ thử cao áp nguyên lý cộng hưởng, tần số công nghiệp (cho cấp điện áp đến 220 kV)</p>	1 cái

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
	<i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định. Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực</i>	
17	Máy bơm chân không <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định. Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực</i>	1 cái
18	Thiết bị xả ắc quy <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định. Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực</i>	1 cái
19	Máy phát tần số <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và Hóa đơn tài chính mua bán thiết bị theo quy định. Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực</i>	1 máy
20	Xe cầu tự hành ≥ 80 tấn <i>Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh về việc sở hữu thiết bị, giấy chứng nhận kiểm định thiết bị còn hiệu lực. Đối với trường hợp đi thuê: có Hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, có giấy chứng nhận kiểm định thiết bị còn hiệu lực. Tất cả tài liệu phải có sao y chứng thực.</i>	1 cái

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt^a:

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1	Giải pháp kỹ thuật		
1.1	Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí rào chắn biển báo, liên lạc trong quá trình thi công	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng thiết bị.	Đạt
		Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng thiết	Không đạt

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		bị.	
1.2	Thi công thực hiện các hạng mục theo HSMT	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công	Đạt
		Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công	Không đạt
	Kết luận	Các tiêu chí chi tiết 1.1, 1.2 được xác định là đạt	Đạt
		Có 1 tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
2	Biện pháp tổ chức thi công		
2.1	Sơ đồ hệ thống tổ chức của nhà thầu tại công trường: - Các bộ phận quản lý kỹ thuật, chất lượng, vật tư, máy móc, thiết bị. - Các đội, tổ thi công.	Trình bày đầy đủ, chi tiết, ghi rõ trách nhiệm của từng bộ phận.	Đạt
		Không trình bày, hoặc trình bày không đầy đủ.	Không đạt
2.2	Trình tự thi công: Lập chi tiết biện pháp, trình tự thi công phù hợp với tiến độ, đáp ứng với yêu cầu của hồ sơ.	Lập đầy đủ trình tự thi công cho từng công việc, phù hợp và khả thi.	Đạt
		Trình bày không đầy đủ, không khả thi.	Không đạt
	Kết luận	Cả 2.1; 2.2 tiêu chí chi tiết đều được xác định là đạt	Đạt
		Có 1 tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
3	Tiến độ thi công		
3.1	Thời gian thực hiện 180 ngày	Đề xuất thời gian thực hiện không quá 180 ngày	Đạt
		Đề xuất thời gian thực hiện vượt quá 180 ngày	Không đạt
3.2	Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).	Đạt
		Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b).	Không đạt
3.3	Tiến độ	Có lập biểu tiến độ chi tiết cho từng công việc đối với tổ máy	Đạt
		Không lập biểu tiến độ hoặc lập sơ sài, không đáp ứng	Không đạt
	Kết luận	Cả 3.1, 3.2 và 3.3 tiêu chí chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
		Có 1 tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
4	Biện pháp đảm bảo chất lượng		

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1	Biện pháp đảm bảo chất lượng tháo lắp sửa chữa	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
		Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
5	Yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ		
5.1	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ	Nhà thầu thực hiện các dịch vụ phải đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn và năng lực theo quy định tại Mục 3.9 Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật	Đạt
5.2		Nhà thầu thực hiện các dịch vụ không đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn và năng lực theo quy định tại Mục 3.9 Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật	Không đạt
6	An toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường		
6.1	An toàn lao động		
	Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
		Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.2	Phòng chống cháy nổ		
	Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
		Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.3	Vệ sinh môi trường		
	Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
		Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
	Kết luận	Cả 3 tiêu chí 6.1; 6.2; 6.3 chi tiết đều được xác định là đạt.	

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Có 1 tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
7	Bảo hành và uy tín nhà thầu		
7.1	Bảo hành		
	Thời gian bảo hành 12 tháng.	Nhà thầu có đề xuất và cam kết thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
		Nhà thầu có đề xuất và cam kết thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
7.2	Uy tín của nhà thầu		
	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP <i>(Trong trường hợp Nhà thầu liên danh thì yêu cầu này được xác định theo từng thành viên liên danh)</i>	Nhà thầu có cam kết và không vi phạm các quy định về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.	Đạt
		Nhà thầu không có cam kết hoặc có cam kết nhưng có vi phạm các quy định về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.	Không đạt
	Kết luận	Tiêu chí chi tiết 7.1; 7.2 được xác định là đạt,	Đạt
		Có 1 tiêu chí chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất^a:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.